

Số: /NQ-HĐND

Sa Thầy, ngày tháng năm 2021

Dự Thảo

## NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Ia Ly, Plei Krông giai đoạn 2021 - 2025

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 30 tháng 7 năm 2020 Đảng bộ huyện Sa Thầy lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Đề án số 06-ĐA/HU ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Huyện ủy Sa Thầy về Đề án khai thác tiềm năng, lợi thế nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Ia Ly, Plei Krông giai đoạn 2021 - 2025.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc dự thảo Nghị quyết Kế hoạch triển khai Đề án khai thác tiềm năng, lợi thế nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Ia Ly, Plei Krông giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Ia Ly, Plei Krông giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung chính sau:

### 1. Mục tiêu

#### a. Mục tiêu chung

Khai thác tiềm năng, lợi thế mặt nước các hồ chứa thủy điện để nuôi trồng các loại thủy sản phù hợp nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn huyện.

#### b. Mục tiêu cụ thể

- Hàng năm, phát triển số lượng lồng nuôi thủy sản theo hình thức nuôi lồng/bè khoảng 06 lồng nuôi/240 m<sup>3</sup> thể tích nuôi (trong đó tiếp tục duy trì nuôi 30 lồng nuôi hiện có). Phân đầu đến năm 2025 đạt trên 60 lồng (tăng thêm 30 lồng, thể tích bình quân 40 m<sup>3</sup>/lồng), sản lượng đạt trên 100 tấn/năm, với một số đối tượng nuôi là các loài thủy sản có giá trị kinh tế, được thị trường ưa chuộng.

- Tổ chức tập huấn, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho khoảng 60 hộ dân nắm bắt cơ bản những kiến thức về nuôi trồng thủy sản, công tác chăm sóc và phòng trị bệnh, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định từ 60 - 70 triệu đồng/người/năm cho khoảng 100 lao động.

- Hình thành ít nhất 01 chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cá nuôi lồng/bè.

### **c. Đối tượng tham gia**

Các hộ gia đình đang sinh sống trên địa bàn huyện Sa Thầy, đảm bảo các điều kiện đối ứng kinh phí về đầu tư xây dựng lồng nuôi, công lao động,... Được hưởng toàn bộ giá trị sản phẩm của mô hình.

### **d. Địa điểm thực hiện**

- Thôn Tân Sang, xã Hơ Moong; Thôn Đăk Tân, xã Sa Nghĩa (*các hồ chứa độc lập với lồng hồ thủy điện Plei Krông, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước của nhà máy nước cung cấp nước sạch cho thị trấn Sa Thầy, xã Sa Nhơn, xã Sa Nghĩa và xã Sa Bình*).

- Thôn Bình Loong, xã Sa Bình; Làng Chờ, xã Ya Ly (*khu vực mặt nước lồng hồ thủy điện Ia Ly*).

### **e. Chủng loại loại thủy sản nuôi**

Các loại cá có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện môi trường, sinh thái từng khu vực nuôi như: Cá Diêu hồng, rô phi đơn tính, trắm, cá lóc, cá thát lát,...

### **f. Nội dung hỗ trợ**

Tùy theo tình hình thực tế của từng mô hình và các quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% con giống, hỗ trợ khoảng 40% - 50% vật tư thiết yếu, như: thức ăn, thuốc phòng trị bệnh... chi phí triển khai hướng dẫn kỹ thuật. Nhân dân tham gia đối ứng lồng nuôi, nhân công lao động, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh,...

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **a. Công tác tuyên truyền, vận động**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân khai thác tiềm năng, lợi thế mặt nước lồng hồ thủy điện để phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách về phát triển nuôi trồng thủy sản đến tất cả cán bộ, đảng viên và tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về các mô hình nuôi trồng thủy sản hay, có hiệu quả trong thực tiễn, tạo điều kiện cho nhân dân tham quan, học hỏi kinh nghiệm để nhân rộng.

### **b. Về khoa học, công nghệ và khuyến nông**

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình trình diễn khuyến nông về nuôi một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của huyện và nhu cầu của thị trường để làm cơ sở đánh giá hiệu quả, tuyên truyền, nhân rộng.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản; ứng dụng các sản phẩm xử lý và cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo môi trường sinh thái.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật để trang bị kiến thức cơ bản cho người dân về kỹ thuật thiết kế lồng, bè; kỹ thuật nuôi lồng/bè và nuôi sinh thái ở hồ chứa thủy điện.

- Thực hiện các qui định về truy xuất nguồn gốc, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Quốc gia vào sản xuất nuôi trồng thủy sản.

### **c. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hình thức tổ chức sản xuất**

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy sản bằng biện pháp bổ sung và nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước cấp huyện, xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của ngành.

- Đa dạng các hình thức đào tạo, lồng ghép chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đào tạo nghề nuôi cá lồng/bè, đáp ứng yêu cầu phát triển thủy sản.

- Nâng cao năng lực, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và hộ gia đình trong việc tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản thông qua đào tạo tại chỗ, ngắn hạn, học tập mô hình hay, cách làm hiệu quả ở các địa phương khác.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp có hiệu quả (*như Tổ hợp tác, Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản*) gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại các địa phương.

### **d. Giải pháp về thị trường**

- Gắn sự liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng giống thức ăn, thu mua, chế biến với người sản xuất.

- Tăng cường quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025. Kết nối quảng bá đến các siêu thị, nhà hàng trong tỉnh, thị trường lân cận.

- Kịp thời cung cấp thông tin, địa chỉ của các cơ sở cung cấp dịch vụ thức ăn, giống, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản để nhân dân biết.

### **e. Giải pháp về môi trường và an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ**

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý môi trường nuôi, thực hiện các công nghệ nuôi sạch, an toàn về môi trường và dịch bệnh góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm sạch có giá trị cao, góp phần giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh xảy ra trên thủy sản nuôi.

- Bố trí mật độ lồng/bè phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ đề điều các hồ chứa thủy điện.

## **f. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản**

- Chính sách hỗ trợ khi thực hiện mô hình khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và lồng ghép các nguồn vốn, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để thực hiện việc đầu tư, phát triển nuôi trồng thủy sản đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội.

- Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, hộ gia đình, cá nhân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển nuôi trồng thủy sản.

### **3. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện**

#### **a. Kinh phí thực hiện**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án dự kiến khoảng: 5.819.426.541 đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 2.726.794.053 đồng.

- Vốn đối ứng của Nhân dân (*Vốn tự có, vốn vay và công lao động quy đổi thành tiền*): 3.092.632.488 đồng.

#### **b. Phân kỳ thực hiện**

<b>Năm thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ bố trí nguồn vốn</b>	<b>Tổng kinh phí (đồng)</b>	<b>Kinh phí (đồng)</b>		<b>Ghi chú</b>
			<b>Ngân sách nhà nước</b>	<b>Nhân dân tham gia</b>	
2022	Tỷ lệ vốn triển khai thực hiện khoảng 40% tổng vốn	2.327.770.617	1.090.717.621	1.237.052.995	
2023	Tỷ lệ vốn triển khai thực hiện khoảng 30% tổng vốn	1.745.827.962	818.038.216	927.789.746	
2024	Tỷ lệ vốn triển khai thực hiện khoảng 25% tổng vốn	1.454.856.635	681.698.513	773.158.122	
2025	Tỷ lệ vốn triển khai thực hiện khoảng 5% tổng vốn	290.971.327	136.339.703	154.631.624	
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.819.426.541</b>	<b>2.726.794.053</b>	<b>3.092.632.488</b>	

#### **c. Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước)**

- Ngân sách huyện (*sự nghiệp nông, lâm nghiệp; nguồn nâng cao năng lực khuyến nông vùng lòng hồ thủy điện*): khoảng 1.200 triệu đồng (*bình quân mỗi năm bố trí khoảng 300 triệu đồng*).

- Nguồn vốn huy động, lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình, dự án trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện đề án khoảng 1.580 triệu đồng (bình quân mỗi năm bố trí khoảng 395 triệu đồng).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy Khoá XI kỳ họp thứ ba thông qua ngày      tháng      năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HTTD.

**CHỦ TỊCH**